

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2015/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2015

THÔNG TƯ**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều
của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ
quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp***Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;**Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 (sau đây gọi tắt là Luật Sở hữu trí tuệ);**Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;**Căn cứ Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp;**Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp; Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP sửa đổi);**Căn cứ Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 105/2006/NĐ-CP sửa đổi);**Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26/02/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;**Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,**Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 99/2013/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp;

b) Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp;

c) Các đối tượng khác có liên quan đến xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

Điều 2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính

1. Cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, gồm:

a) Công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài;

b) Hộ kinh doanh được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật đăng ký kinh doanh.

2. Tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp;

b) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp gồm: doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh;

c) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã gồm: hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

d) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư;

đ) Các tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 và Điểm a Khoản 12 Điều 12 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP được áp dụng đối với vi phạm do lỗi cố ý và có một trong các căn cứ sau đây:

1. Khi thấy cần thiết để đảm bảo tang vật, phương tiện vi phạm không bị tiêu hủy, tẩu tán, thay đổi hiện trạng hoặc ngăn ngừa khả năng dẫn đến hành vi vi phạm tiếp theo.

2. Hàng hóa không xác định được người vi phạm.

Điều 4. Các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP được thực hiện như sau:

a) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm được áp dụng đối với tang vật, phương tiện vi phạm là sản phẩm, hàng hóa, biển hiệu, phương tiện kinh doanh, giấy tờ giao dịch gắn dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp hoặc gắn chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn.

Phương pháp loại bỏ có thể tiến hành bằng một hoặc nhiều phương thức như: gỡ bỏ, tháo, cắt, xóa, mài hoặc các biện pháp thích hợp khác để loại bỏ yếu tố vi phạm ra khỏi tang vật, phương tiện vi phạm;

b) Buộc thay đổi thông tin tên miền hoặc trả lại tên miền được áp dụng trong trường hợp bên yêu cầu xử lý vi phạm và bên bị yêu cầu xử lý vi phạm không đạt được thỏa thuận theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP và bên bị yêu cầu xử lý vi phạm không chấm dứt hành vi đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền vi phạm;

c) Buộc thay đổi tên doanh nghiệp, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp được áp dụng khi bên bị yêu cầu xử lý vi phạm không chấm dứt hành vi sử dụng tên doanh nghiệp xâm phạm hoặc không tiến hành thủ tục thay đổi tên doanh nghiệp xâm phạm theo thông báo của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc theo thỏa thuận của các bên.

2. Buộc tiêu hủy hàng hóa, tang vật, phương tiện vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP được áp dụng đối với:

a) Hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý; nguyên liệu, vật liệu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý; tem nhãn, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo; tem, nhãn, vật phẩm mang yếu tố vi phạm;

b) Hàng hóa không còn giá trị sử dụng;

c) Hàng hóa gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường;

d) Hàng hóa mà yếu tố xâm phạm không thể loại bỏ ra khỏi hàng hóa hoặc việc loại bỏ không đảm bảo ngăn chặn triệt để hành vi vi phạm hoặc không thể áp dụng được các biện pháp xử lý khác.

3. Đối với hàng hóa vi phạm, nguyên vật liệu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất hàng hóa vi phạm, tang vật, phương tiện vi phạm thì cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào tính chất, đặc điểm của hàng hóa và các tình tiết, điều kiện hoàn cảnh cụ thể của vụ việc để quyết định biện pháp xử lý phù hợp, có tham khảo ý kiến của chủ thể quyền, người yêu cầu xử lý vi phạm và tổ chức, cá nhân liên quan.

Sau khi tổ chức, cá nhân vi phạm loại bỏ yếu tố vi phạm ra khỏi hàng hóa, cơ quan xử lý vi phạm có thể:

a) Cho phép tổ chức, cá nhân vi phạm tận dụng hàng hóa, nguyên vật liệu để làm nguyên vật liệu sản xuất hàng hóa khác hoặc cho phép phân phối, sử dụng không nhằm thu lợi nhuận và không ảnh hưởng đến khả năng khai thác của chủ thể quyền, trong đó ưu tiên mục đích nhân đạo, từ thiện hoặc phục vụ lợi ích xã hội; hoặc

b) Bán đấu giá để sung công quỹ hoặc các biện pháp khác theo đề nghị và thỏa thuận của các bên liên quan phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 29 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP sửa đổi.

4. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP được áp dụng khi có hóa đơn, chứng từ, tài liệu hợp lệ chứng minh tổ chức, cá nhân đó đã thực hiện hành vi vi phạm (có số lượng, giá trị hàng hóa vi phạm kèm theo) và hàng hóa vi phạm đã được phát hiện đến thời điểm thanh tra, kiểm tra.

Số tiền thu lợi bất hợp pháp được nộp vào Kho bạc Nhà nước tương tự như thủ tục nộp tiền phạt theo quyết định xử phạt hành chính. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền xử phạt có tài khoản tạm thu mở tại Kho bạc Nhà nước thì tiền thu lợi nói trên được nộp vào tài khoản tạm thu của cơ quan có thẩm quyền xử phạt. Định kỳ, cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm có trách nhiệm nộp lại cho Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

5. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải chịu mọi chi phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Xác định giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP

1. Việc xác định tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm tại thời điểm vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định số 99/2013/NĐ-CP được tính theo công thức sau:

Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm bằng (=) số lượng hàng hóa, khối lượng dịch vụ vi phạm nhân (x) đơn giá hàng hóa, dịch vụ vi phạm tại thời điểm vi phạm hành chính.

2. Việc xác định giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm tuân theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP.

Trường hợp có căn cứ cho rằng giá niêm yết hoặc giá ghi trên hợp đồng hoặc hóa đơn mua bán hoặc tờ khai nhập khẩu nêu tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP là không trung thực thì cơ quan có thẩm quyền áp dụng giá theo thứ tự ưu tiên tiếp theo quy định tại các điểm b, c Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP.

3. Trường hợp không có căn cứ áp dụng quy định tại Khoản 2 Điều này thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có thể ra quyết định tạm giữ tang vật vi phạm và thành lập Hội đồng định giá theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP.

4. Trường hợp tại thời điểm thanh tra không phát hiện được tang vật là hàng hóa, dịch vụ vi phạm làm cơ sở cho việc xác định khung phạt, thẩm quyền xử phạt nhưng có chứng cứ chứng minh tổ chức, cá nhân đã thực hiện hành vi vi phạm và vẫn còn trong thời hiệu xử phạt, thì cơ quan có thẩm quyền áp dụng Khoản 14 Điều 11, Khoản 11 Điều 12, Khoản 14 Điều 14 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP để xử phạt.

Điều 6. Xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính

1. Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính là khoản lợi ích mà tổ chức, cá nhân thu được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính, gồm:

- a) Tiền;
- b) Giấy tờ có giá;
- c) Tài sản khác.

2. Xác định số lợi bất hợp pháp là tiền:

a) Căn cứ để xác định số tiền tổ chức, cá nhân vi phạm thu được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp mà có bằng (=) số lượng hàng hóa, khối lượng dịch vụ đã chuyển nhượng, tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái pháp luật nhân (x) đơn giá.

Số lượng hàng hóa hoặc khối lượng dịch vụ đã thực hiện được xác định trên cơ sở kê khai của tổ chức, cá nhân vi phạm và kiểm tra, xác minh của người có thẩm quyền.

Đơn giá được xác định trên cơ sở hồ sơ, chứng từ của tổ chức, cá nhân vi phạm hoặc giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ tương tự.

Trường hợp không xác định được số lượng, khối lượng, đơn giá thì số lợi bất hợp pháp thu được là toàn bộ số tiền tổ chức, cá nhân thu được từ hành vi vi phạm.